BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 937/2008/QĐ-BKH	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Mẫu hồ sơ mời sơ tuyển gói thầu xây lắp

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 67 và khoản 3 Điều 76 của Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Đấu thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Mẫu hồ sơ mời sơ tuyển gói thầu xây lắp".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1591/2007/QĐ-BKH do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành ngày 24/12/2007.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Võ Hồng Phúc

Nơi nhận:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Website Chính phủ; Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp
- Các Sở KH và ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ KH&ĐT;
- Lưu: Văn thư, Vụ QLĐT (20b).

L.315

MẪU HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN GÓI THẦU XÂY LẮP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 957 /2008/QĐ-BKH ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Mẫu hồ sơ mời sơ tuyển này được áp dụng cho gói thầu xây lắp theo quy định tại Chương III Nghị định 58/2008/NĐ-CP ngày 5/5/2008 khi thực hiện hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước và quốc tế. Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, nếu được nhà tài trợ chấp thuận thì áp dụng theo Mẫu này hoặc có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo yêu cầu của nhà tài trợ.

Khi áp dụng Mẫu này, chủ đầu tư cần căn cứ vào tính chất, đặc điểm của gói thầu mà đưa ra các yêu cầu trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Trong Mẫu này, những chữ in nghiêng là nội dung mang tính hướng dẫn sẽ được người sử dụng cụ thể hóa tùy theo yêu cầu và tính chất từng gói thầu. Mẫu hồ sơ mời thầu này gồm các phần sau:

Phần thứ nhất. Yêu cầu về thủ tục sơ tuyển

Chương I. Chỉ dẫn đối với nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu sơ tuyển

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển

Phần thứ hai. Yêu cầu về công trình xây lắp

Chương V. Tóm tắt các yêu cầu về công trình xây lắp

Trong quá trình áp dụng Mẫu này, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, chỉnh lý.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

(tên gói thầu)
(tên dự án)
(tên chủ đầu tư)

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___
Đại diện hợp pháp của bên mời thầu
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Phần thứ nhất - YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC SƠ TUYỂN 5
Chương I. Chỉ dẫn đối với nhà thầu 5
A. Tổng quát 5
B. Chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển 6
C. Nộp hồ sơ dự sơ tuyển 7
D. Mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển 8
E. Trúng sơ tuyển 9
Chương II. Bảng dữ liệu sơ tuyển 10
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển 12
Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển 17
Mẫu số 1. Đơn dự sơ tuyển 17
Mẫu số 2. Giấy ủy quyền 18
Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh sơ bộ 19
Mẫu số 4. Kê khai thông tin về nhà thầu 21
Mẫu số 5. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu 23
Mẫu số 6. Kê khai các hợp đồng đang thực hiện của nhà thầu 25
Mẫu số 7. Danh mục các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện 26
Phần thứ hai - YÊU CẦU VỀ CÔNG TRÌNH XÂY LẮP 27
Chương V. Tóm tắt các yêu cầu về công trình xây lắp 27
Phụ lục 28

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu sơ tuyển
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển
Gói thầu ODA	Là gói thầu thuộc chương trình, dự án sử dụng vốn ODA từ các nhà tài trợ (Ngân hàng Thế giới – WB, Ngân hàng phát triển châu Á – ADB, Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản – JBIC, Ngân hàng tái thiết Đức – KfW, Cơ quan phát triển Pháp – AFD…)
Nghị định 58/CP	Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 5/5/2008 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng
VND	Đồng Việt Nam
USD	Đồng đô la Mỹ

Phần thứ nhất

YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC SƠ TUYỂN

Chương I
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Khái quát về gói thầu

Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp thuộc dự án nêu tại **BDL**. Tên gói thầu, phạm vi công việc, nguồn vốn để thực hiện gói thầu, thời gian tổ chức đấu thầu được nêu trong **BDL**.

Mục 2. Điều kiện tham gia sơ tuyển

1. Có tư cách hợp lệ như quy định trong **BDL**;

2. Chỉ được tham gia trong một HSDST với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận liên danh sơ bộ;

3. Đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động xây dựng như quy định trong **BDL**;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu như quy định trong **BDL**.

Mục 3. Hồ sơ mời sơ tuyển và phát hành hồ sơ mời sơ tuyển

HSMST bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMST này. Bên mời thầu phát hành miễn phí HSMST cho các nhà thầu có nhu cầu tham dự sơ tuyển. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMST để chuẩn bị HSDST thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

Mục 4. Giải thích làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển

Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMST thì phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu theo địa chỉ và thời gian ghi trong **BDL** (nhà thầu có thể thông báo trước cho bên mời thầu qua fax, e-mail...). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMST theo thời gian quy định trong **BDL**, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu nhận HSMST.

Mục 5. Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển

Trường hợp cần thiết, bên mời thầu sẽ tiến hành sửa đổi HSMST (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDST nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMST tới tất cả các nhà thầu nhận HSMST trước thời điểm đóng sơ tuyển một số ngày nhất định được quy định trong **BDL**. Tài liệu này là một phần của HSMST. Nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu bằng văn bản theo đường bưu điện hoặc fax, e-mail là đã nhận được các tài liệu sửa đổi đó.

Mục 6. Chi phí dự sơ tuyển

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia sơ tuyển, kể từ khi nhận HSMST cho đến khi thông báo kết quả sơ tuyển, đối với các nhà thầu trúng sơ tuyển tính đến khi mời thầu.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 7. Ngôn ngữ sử dụng

HSDST cũng như tất cả văn bản và tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc sơ tuyển phải được viết bằng ngôn ngữ như quy định trong **BDL**.

Mục 8. Nội dung hồ sơ dự sơ tuyển

HSDST do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 9 Chương này;

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 10 Chương này.

Mục 9. Đơn dự sơ tuyển

Đơn dự sơ tuyển do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương IV có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương IV). Trường hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ theo quy định trong **BDL** để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự sơ tuyển phải do từng thành viên trong liên danh ký, trừ trường hợp văn bản thỏa thuận liên danh sơ bộ có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự sơ tuyển.

Mục 10. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như quy định trong **BDL**.

b) Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu theo quy định tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh sơ bộ giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương IV, trong đó phải dự kiến phân công việc của từng thành viên, thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh, địa điểm và thời gian ký văn bản thỏa thuận liên danh sơ bộ, chữ ký của các thành viên, con dấu (nếu có); trường hợp các thành viên ủy quyền cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự sơ tuyển thì phải nêu rõ trong văn bản thỏa thuận liên danh sơ bộ.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Thông tin về năng lực kỹ thuật, năng lực tài chính và kinh nghiệm của nhà thầu trong lĩnh vực xây lắp được liệt kê theo các Mẫu từ số 4 đến 7 Chương IV. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên; từng thành viên phải chứng minh kinh nghiệm và năng lực của mình là đáp ứng yêu cầu của HSMST cho phần việc dự kiến đảm nhiệm trong liên danh.

Mục 11. Quy cách của hồ sơ dự sơ tuyển

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một số bản chụp HSDST được quy định trong **BDL** và ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu không nộp bản gốc HSDST sẽ bị loại. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như bị nhòe, không rõ chữ, chụp thiếu trang và những lỗi khác thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản chụp có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy theo mức độ sai khác, bên mời thầu sẽ quyết định xử lý cho phù hợp, chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDST thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDST so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDST sẽ bị loại, đồng thời nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật về đấu thầu hiện hành và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. HSDST phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Các văn bản bổ sung làm rõ HSDST của nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký ở bên cạnh của người ký đơn dự sơ tuyển và được đóng dấu (nếu có).

C. NỘP HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 12. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng hồ sơ dự sơ tuyển

1. HSDST phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDST được quy định trong **BDL**.

2. Trong trường hợp HSDST gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDST của bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDST, tránh thất lạc, mất mát.

Mục 13. Thời hạn nộp hồ sơ dự sơ tuyển

1. HSDST do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng sơ tuyển quy định trong **BDL**.

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDST (thời điểm đóng sơ tuyển) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDST hoặc khi cần sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 5 Chương này.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDST, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã nộp HSDST, đồng thời thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDST phải được đăng tải trên báo Đấu thầu tối thiểu 1 kỳ và đăng trên trang thông tin điện tử về đấu thầu (trừ trường hợp không thuộc diện bắt buộc); đối với đấu thầu quốc tế còn phải đăng tải đồng thời trên một tờ báo tiếng Anh được phát hành rộng rãi. Khi thông báo, bên mời thầu phải ghi rõ thời điểm đóng sơ tuyển mới để nhà thầu sửa lại thời gian có hiệu lực của HSDST nếu thấy cần thiết. Nhà thầu đã nộp HSDST có thể nhận lại và chỉnh sửa HSDST của mình. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDST thì bên mời thầu quản lý HSDST đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".

Mục 14. Hồ sơ dự sơ tuyển nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào thuộc HSDST mà bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng sơ tuyển đều được coi là không hợp lệ và được gửi trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng, trừ tài liệu làm rõ HSDST theo yêu cầu của bên mời thầu.

D. MỞ VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 15. Mở hồ sơ dự sơ tuyển

1. Việc mở HSDST được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng sơ tuyển theo ngày, giờ, địa điểm quy định trong **BDL**.

2. Bên mời thầu tiến hành mở lần lượt HSDST của từng nhà thầu có tên trong danh sách nhận HSMST và nộp HSDST trước thời điểm đóng sơ tuyển theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu.

3. Sau khi mở HSDST, bên mời thầu lập biên bản mở HSDST và gửi bản chụp cho các nhà thầu đã nộp HSDST đúng quy định.

Mục 16. Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển

Trong quá trình đánh giá HSDST, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung HSDST. Việc làm rõ HSDST chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDST cần phải làm rõ và được thực hiện dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải được lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ, cần quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSDST thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDST. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không trả lời hoặc bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 17. Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

1. Đánh giá sơ bộ HSDST

Bên mời thầu kiểm tra tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDST, gồm:

a) Tính hợp lệ của đơn dự sơ tuyển (Mẫu số 1 Chương IV) theo quy định tại Mục 9 Chương này;

b) Sự đáp ứng đối với các điều kiện tham gia sơ tuyển theo quy định tại Mục 2 và tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Mục 10 Chương này;

c) Bản gốc HSDST theo quy định tại Mục 11 Chương này.

Bên mời thầu loại bỏ HSDST không đáp ứng một trong các điều kiện nêu trên. Các HSDST được đánh giá là hợp lệ theo quy định tại khoản này được đưa vào bước đánh giá chi tiết.

2. Đánh giá chi tiết HSDST

Bên mời thầu tiến hành đánh giá chi tiết HSDST trên cơ sở các yêu cầu của HSMST và TCĐG nêu tại Chương III.

E. TRÚNG SƠ TUYỂN

Mục 18. Điều kiện được xét duyệt trúng sơ tuyển

Nhà thầu được xét duyệt trúng sơ tuyển khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDST hợp lệ;

2. Có HSDST được đánh giá về năng lực và kinh nghiệm là đạt yêu cầu theo TCĐG quy định tại Chương III.

Mục 19. Thông báo kết quả sơ tuyển

Ngay sau khi chủ đầu tư quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả sơ tuyển cho các nhà thầu tham dự sơ tuyển (bao gồm cả nhà thầu trúng sơ tuyển và nhà thầu không trúng sơ tuyển). Nhà thầu trúng sơ tuyển được mời tham gia đấu thầu.

Chương II
BẢNG DỮ LIỆU SƠ TUYỂN

BDL bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số Mục tương ứng trong Chương I (Chỉ dẫn đối với nhà thầu). Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương I thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.

Mục	Khoản	Nội dung
1		- Tên dự án: _____ *[Nêu tên dự án được duyệt]* - Tên gói thầu: _____ *[Nêu tên gói thầu theo kế hoạch đấu thầu được duyệt]* - Nội dung công việc chủ yếu: _____ *[Nêu nội dung yêu cầu]* - Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: _____ *[Nêu rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn để thanh toán cho nhà thầu; trường hợp sử dụng vốn ODA thì phải nêu rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn (ngoài nước, trong nước)]* - Thời gian tổ chức đấu thầu: _____ *[Nêu cụ thể thời gian theo kế hoạch đấu thầu được duyệt]*
2	1	Tư cách hợp lệ của nhà thầu: _____ *[Tùy theo tính chất của gói thầu mà nêu yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 7 của Luật Đấu thầu, chẳng hạn yêu cầu nhà thầu phải cung cấp bản sao được chứng thực của một trong các loại văn bản sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... Đối với gói thầu ODA nêu yêu cầu theo quy định của nhà tài trợ]*
	3	Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức: _____ *[Tùy theo loại, cấp công trình mà nêu yêu cầu về điều kiện năng lực trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng]*
	4	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: _____ *[Tùy theo yêu cầu của gói thầu mà nêu yêu cầu trên cơ sở tuán thủ nội dung về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu]*
4		- Địa chỉ bên mời thầu: _____ *[nêu địa chỉ bên mời thầu]* - Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích làm rõ HSMST không muộn hơn ____ ngày trước thời điểm đóng sơ tuyển. *[Tùy theo tính chất của gói thầu mà ghi số ngày cụ thể cho phù hợp]*
5		Tài liệu sửa đổi HSMST (nếu có) sẽ được bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu nhận HSMST trước thời điểm đóng sơ tuyển tối thiểu ____ ngày. *[Ghi số ngày cụ thể, nhưng phải đảm bảo đủ thời gian để nhà*

		thầu hoàn chỉnh HSDST]
7		Ngôn ngữ sử dụng: _____ *[Nêu cụ thể ngôn ngữ sử dụng. Đối với đấu thầu trong nước là tiếng Việt. Đối với đấu thầu quốc tế, HSMST có thể được lập bằng tiếng Anh hoặc bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp HSMST bằng tiếng Anh thì cần quy định HSDST phải bằng tiếng Anh. Trường hợp HSMST bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì cần quy định nhà thầu có thể lựa chọn một trong hai thứ tiếng (tiếng Việt hoặc tiếng Anh) để lập HSDST. Đối với các tài liệu khác có liên quan thì cần yêu cầu giới hạn trong một số loại ngôn ngữ thông dụng, nếu nhà thầu sử dụng ngôn ngữ khác thì yêu cầu có bản dịch sang ngôn ngữ cùng với ngôn ngữ của HSDST. Đối với gói thầu ODA nêu yêu cầu theo quy định của nhà tài trợ]*
9		Tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền: _____ *[Nêu cụ thể văn bản pháp lý mà nhà thầu cần phải gửi để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền như bản sao được chứng thực Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh...]*
10	1	a) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu: _____ *[Nêu yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của Mục 2 của BDL này, ví dụ bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...]*
11	1	Số lượng HSDST phải nộp: - 1 bản gốc; và - ____ bản chụp *[Ghi rõ số lượng yêu cầu nhưng không quy định quá 5 bản]*
12	1	Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDST: _____ *[Nêu cụ thể cách trình bày, ví dụ:* *- Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu: _____* *- Địa chỉ nộp HSDST [tên, địa chỉ của bên mời thầu]: _____* *- Tên gói thầu: _____* *- Không được mở trước____ giờ, ngày ___ tháng ___năm ___ (Ghi theo thời điểm mở hồ sơ dự sơ tuyển)]*
13	1	Thời điểm đóng sơ tuyển: ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm___ *[Nêu cụ thể thời điểm đóng sơ tuyển tùy theo yêu cầu của gói thầu, đảm bảo thời gian chuẩn bị HSDST không ít hơn 7 ngày đối với đấu thầu trong nước và 15 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời sơ tuyển]*
15	1	Việc mở HSDST sẽ được tiến hành công khai vào lúc ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm, tại _____ *[Ghi rõ ngày, giờ, địa điểm tiến hành việc mở HSDST, trong đó quy định thời điểm mở HSDST đảm bảo việc mở HSDST phải tiến hành ngay sau thời điểm đóng sơ tuyển]*

Chương III
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Chương này bao gồm TCĐG về năng lực kỹ thuật, năng lực tài chính, kinh nghiệm và các nội dung liên quan khác (nếu có yêu cầu) của nhà thầu. Các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương này được sử dụng theo tiêu chí "đạt", "không đạt". Nhà thầu "đạt" tất cả các nội dung thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu sơ tuyển (Ví dụ minh họa về TCĐG được nêu tại Phụ lục của Mẫu này).

TCĐG dưới đây chỉ mang tính hướng dẫn, khi soạn thảo nội dung này cần căn cứ theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp.

TCĐG phải công khai trong HSMST. Trong quá trình đánh giá HSDST phải tuân thủ TCĐG nêu trong HSMST, không được thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào.

Mục 1. TCĐG về kinh nghiệm

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	**Kinh nghiệm chung về xây dựng** *Số năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng*	_____ [(1)] *năm*
2	**Kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự đảm bảo tiến độ và chất lượng** *Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng có quy mô và tính chất tương tự gói thầu đang thực hiện sơ tuyển trong _____ [ghi số năm] [(2)] năm qua.* *Tính chất tương tự căn cứ theo các tiêu chí như loại, cấp công trình, giá trị, quy mô thực hiện, tính chất, độ phức tạp, điều kiện thi công... như mô tả tại Chương V.* *Trong trường hợp liên danh, kinh nghiệm này được tính bằng tổng kinh nghiệm của các thành viên.[(3)]* *(a) số lượng hợp đồng* *(b) giá hợp đồng*	*đạt _____ [(4)] hợp đồng* *đạt giá trị _____ [(5)] cho mỗi hợp đồng*
3	**Các yêu cầu khác (nếu có)**	

Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở số liệu kê khai tại Mẫu số 7 Chương IV và các tài liệu kèm theo.

Ghi chú:

[(1)] Thông thường là 5 năm hoặc 10 năm, trong một số trường hợp có thể quy định ít hơn để khuyến khích sự tham gia của các nhà thầu mới được thành lập.

[(2)] Thông thường là 5 năm, trong một số trường hợp có thể quy định ít hơn để khuyến khích sự tham gia của các nhà thầu mới được thành lập.

[(3)] Trường hợp liên danh, đánh giá kinh nghiệm của thành viên liên danh theo nội dung công việc chính dự kiến đã được nêu trong thỏa thuận liên danh sơ bộ.

[(4)] Thông thường yêu cầu từ 1 đến 3 hợp đồng.

[(5)] Giá trị mỗi hợp đồng tương tự thông thường quy định bằng 80% giá gói thầu đang xét.

Mục 2. TCĐG về năng lực kỹ thuật

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	**Nhân sự** *Nêu yêu cầu về số lượng, năng lực và trình độ cán bộ chủ chốt trực tiếp thực hiện gói thầu.* *Trong trường hợp liên danh, nhân sự của cả liên danh là tổng hợp nhân sự do từng thành viên trong liên danh đề xuất.*	
2	**Thiết bị thi công** *Nêu yêu cầu về số lượng, chủng loại, khả năng huy động... đối với các thiết bị thi công cần thiết để thực hiện gói thầu.* *Trong trường hợp liên danh, thiết bị thi công của cả liên danh là tổng hợp thiết bị do từng thành viên trong liên danh đề xuất.*	
3	**Các yêu cầu khác (nếu có)**	

Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở số liệu kê khai tại Mẫu số 4 Chương IV và các tài liệu kèm theo.

Mục 3. TCĐG về năng lực tài chính

TT		Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1		**Doanh thu**	
	1.1	*Doanh thu trung bình hàng năm trong ____ [ghi số năm] năm gần đây* [(1)]	
	1.2	*Trong trường hợp liên danh, doanh thu trung bình hàng năm của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu trung bình hàng năm của mỗi thành viên trong liên danh, trong đó:*	
		(a) Doanh thu trung bình hàng năm trong____ [ghi số năm] năm qua của thành viên đứng đầu liên danh	*(thông thường không thấp hơn 40% mức quy định tại điểm 1.1 Mục này)*
		(b) Doanh thu trung bình hàng năm trong____ [ghi số năm] năm qua của từng thành viên khác trong liên danh	*(thông thường không thấp hơn 25% mức quy định tại điểm 1.1 Mục này)*
2		**Tình hình tài chính lành mạnh** *Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh (chọn một hoặc một số chỉ tiêu tài chính phù hợp)* [(2)]*. Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh.*	
		(a) số năm nhà thầu hoạt động có lãi trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo khoản 1 Mục này	*từ ____ năm trở lên*
		(b) tỉ suất thanh toán hiện hành	*đạt mức ____*
		(c) giá trị ròng	*đạt mức ____*
		(d) nhà thầu thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật	*trong toàn bộ thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo khoản 1 Mục này*
3		**Lưu lượng tiền mặt**[(3)]	
	3.1	*Nhà thầu phải đảm bảo lưu lượng tiền mặt nhằm đáp ứng yêu cầu của gói thầu*	*đạt mức__ trong__tháng*
	3.2	*Trong trường hợp liên danh, lưu lượng tiền mặt của cả liên danh được tính bằng tổng lưu lượng tiền mặt của mỗi thành viên trong liên danh, trong đó:*	

		(a) Lưu lượng tiền mặt của thành viên đứng đầu liên danh	*đạt mức__ trong__tháng (thông thường không thấp hơn 40% mức quy định tại khoản 3.1 Mục này)*
		(b) Lưu lượng tiền mặt nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng của từng thành viên khác trong liên danh	*đạt mức ___ trong ____ tháng (thông thường không thấp hơn 25% mức quy định tại khoản 3.1 Mục này)*
4		**Các yêu cầu khác (nếu có)**	

Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở số liệu kê khai tại các Mẫu số 5 và 6 Chương IV và các tài liệu kèm theo.

Ghi chú:

(1) **Đối với yêu cầu về doanh thu:**

- Thời gian yêu cầu thông thường là 3 năm. Trong một số trường hợp có thể quy định số năm ít hơn để khuyến khích sự tham gia của các nhà thầu mới được thành lập.
- Mức yêu cầu doanh thu trung bình hàng năm được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu tính theo trung bình năm x k;

Thông thường yêu cầu hệ số **k** trong công thức này là từ 2 đến 2,5; trong trường hợp gói thầu có giá trị lớn thì có thể giảm xuống 1,5.

(2) **Đối với yêu cầu về tình hình tài chính:**

Có thể quy định một số chỉ tiêu để đánh giá về tình hình tài chính của nhà thầu với cách tính cụ thể như sau:

- Tùy theo thực tế gói thầu mà yêu cầu nhà thầu hoạt động bình quân có lãi (lợi nhuận) ở mức bình thường trong 2 hoặc 3 năm trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo khoản 1 Mục này.
- Tỉ suất thanh toán hiện hành cho biết khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của nhà thầu, tính bằng công thức sau:

Tỉ suất thanh toán hiện hành = tài sản ngắn hạn / nợ ngắn hạn

Tỉ suất thanh toán hiện hành lớn hơn 1 cho biết doanh nghiệp có khả năng thanh toán nợ đến hạn (có hơn 1 đồng tài sản bảo đảm cho 1 đồng nợ). Tỉ suất thanh toán hiện hành của các doanh nghiệp xây dựng thường không cao, vì vậy cần căn cứ vào thực tế của từng ngành mà quy định cụ thể.

- Giá trị ròng (vốn chủ sở hữu) cho biết khả năng tăng trưởng của một doanh nghiệp, thường quy định mức tối thiểu là giá trị ròng phải không âm và tính bằng công thức sau:

Giá trị ròng = Tổng tài sản – tổng nợ phải trả

(3) **Đối với yêu cầu về lưu lượng tiền mặt:**

- Lưu lượng tiền mặt (dòng tiền) mà nhà thầu có được qua tài sản có thể chuyển thành tiền mặt, nguồn vốn tín dụng và những phương tiện tài chính khác, trừ đi lượng tiền mặt sử dụng cho các hợp đồng đang thực hiện, phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu về tiền mặt trong quá trình thực hiện gói thầu;
- Cách tính thông thường đối với mức yêu cầu về lưu lượng tiền mặt:

Lưu lượng tiền mặt yêu cầu = Giá gói thầu theo trung bình tháng x t;

trong đó **t** là khoảng thời gian trung bình dự kiến cần thiết kể từ khi nhà thầu phát hành hóa đơn đến khi chủ đầu tư thanh toán theo hóa đơn đó.

Chương IV
BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN

Mẫu số 1

ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____*[ghi tên bên mời thầu]*
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu HSMST và văn bản sửa đổi HSMST *[ghi số của văn bản bổ sung nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết tham gia sơ tuyển gói thầu *[ghi tên gói thầu xây lắp]* theo đúng yêu cầu của HSMST.

Nếu HSDST của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ tham gia đấu thầu gói thầu *[ghi tên gói thầu xây lắp]*.

Chúng tôi cam kết các thông tin kê khai trong HSDST này là chính xác, trung thực.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại _____

Tôi là *[ghi tên, số CMTND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* là người đại diện theo pháp luật của *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại *[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho *[ghi tên, số CMTND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia sơ tuyển và đấu thầu gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]* do *[ghi tên bên mời thầu]* tổ chức [2]:

- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả các văn bản đề nghị làm rõ HSMST và văn bản giải thích làm rõ HSDST.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của *[ghi tên nhà thầu]*. *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày _____ đến ngày _____ [3] và được lập thành _____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ _____ bản, người được ủy quyền giữ _____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu nếu có)	*(Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

[1] Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 9 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc trên đây. Việc sử dụng con dấu (nếu có) trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

[2] Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

[3] Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia sơ tuyển.

Mẫu số 3

THỎA THUẬN LIÊN DANH SƠ BỘ [1]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ *[ghi tên gói thầu]*
Thuộc dự án: _____ *[ghi tên dự án]*

- Căn cứ [2] _____*[Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội]*;

- Căn cứ [2] _____ *[Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 5/5/2008 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng]*;

- Căn cứ hồ sơ mời sơ tuyển gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh sơ bộ, gồm có:

Tên thành viên liên danh *[ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ: _____
Địa chỉ: _____
Điện thoại: _____
Fax: _____
E-mail: _____
Tài khoản: _____
Mã số thuế: _____
Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____năm _____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh sơ bộ với nội dung như sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các bên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia sơ tuyển gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]*.

2. Các bên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu là: *[điền tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các bên cam kết không bên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc hợp tác dưới bất kỳ hình thức nào với bên khác để tham gia sơ tuyển đối với gói thầu này.

4. Khi liên danh trúng sơ tuyển gói thầu nêu trên, các bên sẽ ký thỏa thuận liên danh để tham gia đấu thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu đối với gói thầu này.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên thỏa thuận để *[ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh thực hiện công việc sau trong quá trình tham gia sơ tuyển gói thầu [3]:

- Nhận hồ sơ mời sơ tuyển;

- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu.

2. Dự kiến trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh để thực hiện gói thầu

Các bên tham gia liên danh dự kiến phân công trách nhiệm của từng thành viên như sau: *[ghi nội dung công việc chính dự kiến của từng thành viên kể cả thành viên đứng đầu liên danh]*.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh sơ bộ

Thỏa thuận liên danh sơ bộ có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

1. Liên danh trúng sơ tuyển gói thầu nêu trên;

2. Liên danh không trúng sơ tuyển gói thầu nêu trên;

3. Hủy sơ tuyển gói thầu theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh sơ bộ được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của thành viên đứng đầu liên danh

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh

(Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

[1] Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh sơ bộ theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành. Đối với gói thầu ODA ghi theo quy định của nhà tài trợ.

[3] Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Mẫu số 4

KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu *[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*
Địa chỉ của nhà thầu *[Ghi địa chỉ đầy đủ]*
Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu *[Ghi cụ thể các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của nhà thầu]*
Năng lực hoạt động xây dựng *[Ghi cụ thể hạng năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng]*
Nhân sự chủ chốt của nhà thầu *[Ghi rõ các thông tin về nhân sự chủ chốt như:* *- Chỉ huy trưởng công trường,* *- Giám sát thi công xây dựng,* *- Cán bộ kỹ thuật,* *- Kỹ sư,* *- Kiến trúc sư,* - ... *kèm theo lý lịch gồm họ tên, tuổi, nghề nghiệp, thâm niên công tác, trình độ, công việc đã làm tương tự với công việc dự kiến được phân công trong gói thầu, dự kiến vị trí được giao]*
Thiết bị thi công của nhà thầu *[Ghi cụ thể số lượng thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải phục vụ thi công tại hiện trường – năm và nước sản xuất, công suất, khả năng huy động, hình thức huy động]*
Hệ thống đảm bảo chất lượng *[Ghi hệ thống đảm bảo chất lượng mà nhà thầu đã đạt được, nếu có]*
Đại diện theo pháp luật của nhà thầu Tên: *[ghi tên đầy đủ]* Địa chỉ: *[điền địa chỉ đầy đủ]* Điện thoại: *[điền số điện thoại, kể cả mã quốc gia, mã vùng]* Fax: *[điền số fax, kể cả mã quốc gia, mã vùng]* E-mail: *[ghi địa chỉ e-mail]*

Nhà thầu gửi đính kèm các văn bản sau:

1. Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động, Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Mục 2 và khoản 1 Mục 10 Chương I;

2. Các văn bản theo yêu cầu về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu quy định tại khoản 4 Mục 2 Chương I;

3. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, văn bản thỏa thuận liên danh sơ bộ theo quy định tại khoản 1 Mục 10 Chương I;

4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, hợp đồng lao động hoặc cam kết của nhân sự đã kê khai;

5. Tài liệu chứng minh hoặc cam kết có sẵn thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể thuê).

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo mẫu này.

Mẫu số 5

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong _____ năm tài chính gần đây *[ghi số năm theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III]*.

Đơn vị tính: ____ (VND, USD...)

TT		Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	*Tổng tài sản*			
2	*Tổng nợ phải trả*			
3	*Tài sản ngắn hạn*			
4	*Nợ ngắn hạn*			
5	*Doanh thu*			
6	*Lợi nhuận trước thuế*			
7	*Lợi nhuận sau thuế*			
8	*Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)*			

B. Cam kết về lưu lượng tiền mặt sử dụng cho gói thầu:

1. Tài sản có thể chuyển thành tiền mặt: _____
(kèm theo tài liệu chứng minh)

2. Nguồn vốn tín dụng: _____
(kèm theo văn bản xác nhận của tổ chức cung cấp tín dụng)

3. Những phương tiện tài chính khác: _____
(kèm theo tài liệu chứng minh)

C. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai gồm *(nhà thầu chỉ cần nộp bản chụp **được công chứng, chứng thực của một trong các tài liệu** này)*:

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật trong _____ năm tài chính gần đây *[ghi số năm theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III]*;

2. Tờ khai tự quyết toán thuế hàng năm theo quy định của pháp luật về thuế (có xác nhận của cơ quan thuế là nhà thầu đã nộp Tờ khai) trong _____ năm tài chính gần đây *[ghi số năm theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III]*;

3. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu (nếu có) trong _____ năm tài chính gần đây *[ghi số năm theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo mẫu này.

Mẫu số 6

KÊ KHAI CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

TT	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
4							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó.

Ghi chú:
Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo mẫu này.

Mẫu số 7

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN [1]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[điền tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[điền ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[điền ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng	*[điền tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương _____ VND hoặc USD *[điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]*
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	*[điền phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]*	*[điền số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương _____ VND hoặc USD *[điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]*
Tên dự án:	*[điền tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên chủ đầu tư:	*[điền tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[điền đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]* *[điền số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại khoản 2 Mục 1 Chương III [2]			
1. Loại, cấp công trình	*[điền thông tin phù hợp]*		
2. Về giá trị	*[điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]*		
3. Về quy mô thực hiện	*[điền quy mô theo hợp đồng]*		
4. Về độ phức tạp và điều kiện thi công	*[mô tả về độ phức tạp của công trình]*		
5. Các đặc tính khác	*[điền các đặc tính khác theo Chương V]*		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó.

Ghi chú:

[1] Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo mẫu này. Nhà thầu kê khai theo mẫu này cho từng hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện.

[2] Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Phần thứ hai

YÊU CẦU VỀ CÔNG TRÌNH XÂY LẮP

Chương V

TÓM TẮT CÁC YÊU CẦU VỀ CÔNG TRÌNH XÂY LẮP

Chương này gồm thông tin yêu cầu về công trình, kế hoạch thực hiện... của gói thầu xây lắp đang thực hiện sơ tuyển.

1. Giới thiệu chung về dự án

[Nêu thông tin tóm tắt về dự án như tên dự án, chủ đầu tư, nguồn vốn, Quyết định đầu tư, các hoạt động chính của dự án, địa điểm thực hiện dự án...]

2. Mô tả sơ bộ về công trình xây lắp

[Phần này nêu thông tin về loại, cấp, quy mô và tính chất, độ phức tạp của công trình, đặc điểm xây dựng công trình.]

3. Kế hoạch thực hiện

[Nêu thời gian dự kiến thực hiện và hoàn thành công trình.]

4. Địa điểm thực hiện gói thầu và những thông tin liên quan khác

[Nêu những thông tin về điều kiện tự nhiên - xã hội tại khu vực xây dựng, điều kiện và phương tiện đi lại, phương tiện thông tin liên lạc, bản vẽ và thuyết minh tóm tắt của thiết kế đã được phê duyệt, các dịch vụ do chủ đầu tư cung cấp để thực hiện công trình...]

PHỤ LỤC

Ví dụ: *Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển gói thầu xây dựng nhà máy cấp nước công suất 100.000 m^3 nước/ngày; giá gói thầu 260 tỉ VND, thời gian thực hiện hợp đồng là 26 tháng.*

1. TCĐG về kinh nghiệm

TT	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	**Không đạt**
1	***Kinh nghiệm chung về xây dựng*** *Số năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng*	*≥ 7 năm*	*< 7 năm*
2	***Kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự đảm bảo tiến độ và chất lượng*** *Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây dựng nhà máy cấp nước 100.000 m^3 nước/ngày trong 5 năm qua. Trong trường hợp liên danh, kinh nghiệm này được tính bằng tổng kinh nghiệm của các thành viên*		
	(a) số lượng hợp đồng	*≥ 2 hợp đồng*	*< 2 hợp đồng*
	(b) giá hợp đồng	*≥ 200 tỉ VND cho mỗi hợp đồng*	*< 200 tỉ VND cho mỗi hợp đồng*

2. TCĐG về năng lực kỹ thuật

TT		Nội dung	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
1		***Nhân sự***		
		Nhà thầu phải có nhân sự đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trong trường hợp liên danh, nhân sự của cả liên danh là tổng hợp nhân sự do từng thành viên trong liên danh đề xuất.		
		Đội ngũ cán bộ chủ chốt:		
		(a) Chỉ huy trưởng công trường		
		- Năng lực của chỉ huy trưởng công trường	*theo quy định của pháp luật về xây dựng*	
		- Thâm niên trong thi công xây dựng công trình	*≥ 10 năm*	*< 10 năm*
		- Trình độ học vấn	*Bằng cấp đúng chuyên ngành*	*Bằng cấp không đúng chuyên ngành*
		- Kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự	*≥ 5 công trình*	*< 5 công trình*
		- Là chủ nhiệm các công trình tương tự	*≥ 2 công trình*	*< 2 công trình*
		(b) Kỹ sư cấp nước		
		- Trình độ học vấn	*Bằng cấp đúng chuyên ngành*	*Bằng cấp không đúng chuyên ngành*
		- Kinh nghiệm thi công xây dựng công trình	*≥ 7 năm*	*< 7 năm*
		- Kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự	*≥ 3 công trình*	*< 3 công trình*
		(c) Kỹ sư cơ khí		
		- Trình độ học vấn	*Bằng cấp đúng chuyên ngành*	*Bằng cấp không đúng chuyên ngành*
		- Kinh nghiệm thi công xây dựng công trình	*≥ 5 năm*	*< 5 năm*
		- Kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự	*≥ 2 công trình*	*< 2 công trình*
		(d) Kỹ sư điện		
		- Trình độ học vấn	*Bằng cấp đúng chuyên ngành*	*Bằng cấp không đúng*

TT		Nội dung	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
				chuyên ngành
		- Kinh nghiệm thi công xây dựng công trình	*≥ 5 năm*	*< 5 năm*
		- Kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự	*≥ 2 công trình*	*< 2 công trình*
		(đ) Kỹ sư điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu (SCADA)		
		- Trình độ học vấn	*Bằng cấp đúng chuyên ngành*	*Bằng cấp không đúng chuyên ngành*
		- Kinh nghiệm thi công xây dựng công trình	*≥ 5 năm*	*< 5 năm*
		- Kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự	*≥ 2 công trình*	*< 2 công trình*
		(e) Quản lý hành chính và hậu cần		
		Kinh nghiệm quản lý hành chính tại công trường	*≥ 5 năm*	*< 5 năm*
		Kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự	*≥ 2 công trình*	*< 2 công trình*
2		***Thiết bị thi công*** *Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về thiết bị thi công sử dụng cho gói thầu. Trong trường hợp liên danh, thiết bị thi công của cả liên danh là tổng hợp thiết bị do từng thành viên trong liên danh đề xuất.*		
	2.1	*Số lượng, chủng loại máy móc và thiết bị xây dựng chính cho công tác đất, công tác bê tông, công tác khác (không kể máy móc và thiết bị đang dùng cho hợp đồng dở dang)*	*Số lượng và chủng loại phù hợp với biện pháp thi công đề xuất*	*Số lượng và chủng loại không phù hợp với biện pháp thi công đề xuất*
	2.2	*Khả năng huy động của máy móc và thiết bị chính*	*≥ 50% máy móc và thiết bị là có thể huy động ngay (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc được nhà thầu thuê dài hạn)*	*< 50% máy móc và thiết bị có thể huy động ngay*
	2.3	*Tuổi trung bình của máy móc và thiết bị chính*	*≤ 7 năm*	*> 7 năm*

TT		Nội dung	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
		(không tính các phương tiện vận tải)		
	2.4	*Tuổi trung bình của các phương tiện vận tải*	*≤ 3 năm*	*> 3 năm*
3		***Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng***	*Chứng chỉ ISO 9001 hoặc 9002*	*Không có các chứng chỉ này*

3. TCĐG về năng lực tài chính

TT		Nội dung	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
1		***Doanh thu***		
	1.1	*Doanh thu trung bình hàng năm trong 5 năm qua*	*≥ 240 tỉ VND*	*< 240 tỉ VND*
	1.2	*Trong trường hợp liên danh, doanh thu trung bình hàng năm của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu trung bình hàng năm của mỗi thành viên trong liên danh, trong đó:*		
		(a) Doanh thu trung bình hàng năm trong 5 năm qua của thành viên đứng đầu liên danh	*≥ 96 tỉ VND*	*< 96 tỉ VND*
		(b) Doanh trung bình hàng năm trong 5 năm qua của từng thành viên khác trong liên danh	*≥ 60 tỉ VND*	*< 60 tỉ VND*
2		***Tình hình tài chính lành mạnh***		
		Tình hình tài chính lành mạnh:		
		(a) số năm nhà thầu hoạt động có lãi trong 5 năm qua	*≥ 5 năm*	*< 5 năm*
		(b) tỉ suất thanh toán hiện hành	*> 1*	*≤ 1*
3		***Lưu lượng tiền mặt***		
	3.1	*Lưu lượng tiền mặt nhằm đáp ứng yêu cầu của gói thầu*	*≥ 30 tỉ VND trong 3 tháng*	*< 30 tỉ VND trong 3 tháng*
	3.2	*Trong trường hợp liên danh, lưu lượng tiền mặt của cả liên danh được tính bằng tổng lưu lượng tiền mặt của mỗi thành viên trong liên danh, trong đó:*		
		(a) Lưu lượng tiền mặt nhằm đáp ứng yêu cầu của gói thầu của thành viên đứng đầu liên danh	*≥ 12 tỉ VND trong 3 tháng*	*< 12 tỉ VND trong 3 tháng*
		(b) Lưu lượng tiền mặt nhằm đáp ứng yêu cầu của gói thầu của từng thành viên khác trong liên danh	*≥ 7,5 tỉ VND trong 3 tháng*	*< 7,5 tỉ VND trong 3 tháng*